

Bản án số: 04 /2025/KDTM- PT

Ngày: 17/02/2025

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nhữ Đức Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 và ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLPT- KDTM ngày 06/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM- ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2024/QĐ-PT ngày 13/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 467/2024/QĐ-PT ngày 30/12/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2025/QĐ-PT ngày 16/01/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sun H – Giám đốc (Có mặt);

Địa chỉ: Khu L, khu công nghiệp Q, Phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Ông Trần Công Đ, người phiên dịch của Công ty (Có mặt);

+ Ông Phạm Xuân C, nhân viên của Công ty (Có mặt);

(theo giấy uỷ quyền ngày 22/05/2024 của Công ty TNHH B)

Bị đơn: Công ty TNHH T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park S– Giám đốc; vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Jang Eun I – Phó Giám đốc; có mặt.

Địa chỉ: Lô C, KCN V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (theo giấy uỷ quyền ngày 01/12/2023 của Công ty TNHH T).

Người nhận uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1998: Địa chỉ: Số F N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH T:

Ông Giáp Văn Đ1 – Luật sư Công ty L1; Địa chỉ: Số F N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Ông Đ1 vắng mặt);

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Seo Jun Y – Trưởng phòng khuôn mẫu Công ty TNHH T, do ông Giáp Văn Đ1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Hà vị A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đại diện theo uỷ quyền (Có mặt);

Địa chỉ: Lô C, KCN V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Người phiên dịch: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1996, địa chỉ: Số C, đường H, phường X, tỉnh Bắc Giang là phiên dịch viên có chứng chỉ tiếng Hàn (cấp độ: Topik 5), có mặt tại phiên tòa.

* **Người kháng cáo:** Công ty TNHH T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Công ty TNHH B trình bày: Vào ngày 01/10/2019 giữa đại diện Công ty TNHH B và đại diện Công ty TNHH T có ký hợp đồng nguyên tắc về việc sửa chữa khuôn đúc bằng kim loại cho bên Công ty TNHH T (bên A) theo hợp đồng nguyên tắc số: 011019/HDNT/T.O-B&K, Theo hợp đồng đã ký kết này, hai bên phải tiến hành thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty TNHH B đã thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết về quyền và nghĩa vụ của mình, hai bên không xảy ra tranh chấp về giá thành, chất lượng, số lượng, khối lượng công việc.

Sau khi hai bên đã thống nhất, hai bên nghiệm thu, khối lượng công việc, chất lượng, giá thành chốt công nợ đã phát sinh của tháng đó vào cuối tháng, thì Bên Công ty TNHH B (Bên B) sẽ xuất hóa đơn GTGT, cùng các chứng từ kèm theo (nếu có) cho Công ty TNHH T (Bên A). Và bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hóa đơn cho Bên B trong thời gian từ 30 - 45 ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn và các chứng từ kèm theo (nếu có) cho Bên B. Tính từ ngày hai bên ký hợp đồng đến tháng 07 năm 2022 và từ tháng 05/2023 đến tháng 10 năm 2023 cả hai bên đã thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên từ tháng 08 năm 2022 đến tháng 04 năm 2023 và thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01 năm 2024 . Bên Công ty TNHH B đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, còn Bên Công Ty TNHH T đã vi phạm điều khoản thanh toán. Tính đến hết ngày 31/12/2023: Tổng số tiền Công Ty TNHH T còn phải thanh toán cho Công ty

TNHH B là: 6.322.198.113 VND (theo thư xác nhận công nợ đã được hai bên ký xác nhận). Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 01/02/2024. Bên Công ty TNHH B có sửa khuôn cho bên Công ty TNHH T, hai bên tiến hành nghiệm thu và phát hành hóa đơn số: 00000006, ký hiệu: 1C24TBK, ngày 30/01/2024 với số tiền là: 295,239,086 VND, và trong khoảng thời gian này Công ty TNHH T có thanh toán cho Công ty TNHH B 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 02/01/2024: Bên Công ty TNHH T thanh toán hóa đơn số: 00000031, ký hiệu 1C23TBK, ngày 31/ 05/2023 số tiền là: 277,764,421 VND. *(Hai trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi một đồng).*

- Lần 02: Ngày 01/02/2024: Bên Công ty TNHH T thanh toán hóa đơn số: 00000076, ký hiệu 1C23TBK ngày 29/ 12/2023 số tiền là: 97,077,064 VND. *(Chín mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng).* Tổng số tiền là: 374,841,485 VND. Cũng trong thời gian này Bên Công ty TNHH T cũng phát sinh thêm hóa đơn sửa khuôn tháng 01/2024 với số tiền là: 295,239,086 VND. *(Hai trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng).*

Vậy tổng số tiền Công ty TNHH T còn phải thanh toán cho Công ty TNHH B tính đến hết ngày 01/02/2024 là: 6,242,595,714 VND (*Sáu tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*).

Do Công ty TNHH T chưa thanh toán nên đã quá hạn thanh toán, mặc dù Công ty TNHH B đã thông báo, nhắc nhở nhiều lần về việc thanh toán nhưng bên phía Công ty TNHH T vẫn chưa thanh toán, do vậy Công ty TNHH B đề nghị phía Công ty TNHH T phải trả khoản tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử với mức lãi xuất là 8,5%/năm.

Ngoài ra không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Theo biên bản ghi lời khai và lời khai tại Tòa án bị đơn trình bày:

Công ty TNHH T và Công ty TNHH B có ký hợp đồng nguyên tắc số: 011019/HDNT/T.O-B&K ngày 01/10/2019 về việc Công ty TNHH B sửa chữa khuôn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên không xảy ra tranh chấp về dịch vụ sửa chữa, giá thành, chất lượng công việc. Xong do Công ty TNHH T gặp khó khăn về tài chính nên có vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền sửa chữa khuôn theo hợp đồng nguyên tắc số: 011019/HDNT/T.O-B&K ngày 01/10/2019 giữa hai công ty đã ký kết, tính đến nay số tiền Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH B sau khi đã đối chiếu công nợ thực tế mà công ty B đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng

là 6.242.595.714 VND (*Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*).

Nay do Công ty TNHH T gặp khó khăn đề nghị được trả nợ dần.

Đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ trên cho đến ngày xét xử, Công ty TNHH T không đồng ý vì Công ty rất khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Seo Jun Y do ông Giáp Văn Đ1 đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào thời điểm ký kết hợp đồng nguyên tắc số: 011019/HDNT/T.O-B&K ngày 01/10/2019 Công ty TNHH B và Công ty TNHH T khi đó ông Seo Jun Y là trưởng phòng khuôn mẫu được ông Park S1 diện theo pháp luật của Công ty TNHH T uỷ quyền toàn quyền cho ông S2 Jun Yeong phụ trách hoạt động của Công ty, trong đó ký kết hợp đồng nêu trên. Công việc hai bên ký kết là Công ty TNHH B sửa khuôn đúc bằng kim loại (Khuôn đúc làm linh kiện nhựa điện thoại) theo yêu cầu của Công ty TNHH T, quá trình thực hiện hợp đồng hai bên không xảy ra tranh chấp về công sửa chữa, giá thành, chất lượng sản phẩm, xong do Công ty T gặp khó khăn về kinh tế nên không thanh toán được cho bên Công ty TNHH B khi hoàn thành công việc và đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng. Nay ông Seo J Yeong xác nhận Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH B số tiền là 6.242.595.714 VND (*Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*) số nợ này đã được ông Jang E Ik Phó Giám đốc là người đại diện của công ty ký xác nhận đối chiếu công nợ.

Nay đề nghị phía Công ty TNHH B tạo điều kiện trả nợ dần.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH B đồng ý với quan điểm của Công ty không bổ sung gì khác.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH T phát biểu: Quá trình làm việc tại Toà án cũng như tại phiên toà, phía đại diện Công ty TNHH T đã xác nhận nội dung hợp đồng nguyên tắc đã được ký kết giữ hai bên không có tranh chấp về nội dung công việc, nhưng do phía Công ty TNHH T gặp khó khăn về tài chính nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 6.242.595.714 VND đã được Công ty TNHH T xác nhận nên đồng ý trả khoản nợ này. Đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ trên mặc dù với mức lãi xuất do Công ty TNHH B yêu cầu 8,5%/năm là có lợi cho bên Công ty TNHH T, tuy nhiên do Công ty TNHH T gặp khó khăn nên đề nghị không chấp nhận khoản lãi này.

*** Với nội dung trên, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên đã quyết định:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điều 11, 24, 50 và Điều 306 Luật thương Mại; Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B.

Buộc Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH B tiền còn nợ là 6.242.595.714 đồng và 698,679,463 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 6.941.275.177 đồng (*Sáu tỷ chín trăm bốn một triệu hai trăm bảy năm nghìn một trăm bảy bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH T phải chịu 114.941.275 đồng (*Một trăm mười bốn triệu chín trăm bốn một nghìn hai trăm bảy năm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty TNHH B số tiền 57.121.297 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003392 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chi phí tố tụng: Công ty TNHH B tự nguyện chịu 8.000.000 đồng chi phí tố tụng (xác nhận đã nộp đủ).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/8/2024, bị đơn Công ty TNHH T nộp đơn kháng cáo, đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm về giá theo hợp đồng ký kết vì cao so với thực tế, tính lại số tiền gốc, số tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T (bà L và ông Jang Eun I) thống nhất trình bày: Công ty TNHH T xin thay đổi nội dung kháng cáo. Trước đây, Công ty kháng cáo đề nghị xem xét lại về giá thỏa thuận trong hợp đồng, đề nghị tính lại tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, đến thời điểm này, Công ty xin rút các kháng cáo này. Công ty TNHH T đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH B tổng số tiền 6.941.275.177 đồng theo lộ trình sau: Ngày 30/6/2025, Công ty TNHH T thanh toán xong 3.000.000.000 đồng. Ngày 31/12/2025, Công ty TNHH T thanh toán xong số tiền 3.941.275.177 đồng còn lại. Nếu phía bị đơn vi phạm kỳ thanh toán thứ nhất thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thanh toán ngay toàn bộ số nợ 6.941.275.177 đồng. Bị đơn xin chịu toàn bộ án theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử và phía nguyên đơn chấp nhận đề nghị này, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH B thống nhất trình bày: Nhất trí lộ trình trả nợ của Công ty TNHH T. Nếu phía bị đơn vi phạm kỳ thanh toán thứ nhất thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thanh toán ngay toàn bộ số nợ 6.941.275.177 đồng; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Phía nguyên đơn không có ý kiến và không kháng cáo đối với phần tuyên về lãi chậm trả theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Giáp Văn Đ1 vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhất trí xét xử vắng mặt Luật sư. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Luật sư Đ1 là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH T thì thấy: Về hợp đồng dịch vụ hai bên đã ký kết, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận hợp đồng ký kết hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự, nguyên đơn đã giao đủ số hàng như thỏa thuận, hai bên đã thống nhất, chốt được công nợ; bị đơn đồng ý thanh toán tổng số 6.941.275.177 đồng như quyết định của bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[4] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét cho giãn nợ: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí với lộ trình thanh toán số nợ 6.941.275.177 đồng như sau: Ngày 30/6/2025, Công ty TNHH T thanh toán xong 3.000.000.000 đồng. Ngày 31/12/2025, Công ty TNHH T thanh toán xong số tiền 3.941.275.177 đồng còn lại. Nếu Công ty TNHH T vi phạm kỳ thanh toán thứ nhất thì Công ty TNHH B có quyền yêu cầu thanh toán ngay toàn bộ số nợ 6.941.275.177 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Jang Eun I – Phó Giám đốc vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng vì cá nhân ông này không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nội dung bản án không thể hiện được quan điểm của cá nhân ông J1 Eun Ik đối với việc giải quyết vụ án. Đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, cần rút kinh nghiệm.

[6] Bản án sơ thẩm tuyên “*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.*”. Việc tuyên như trên là không đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý và không có ý kiến gì về quyết định của bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử thấy không cần sửa án vì có lợi cho bị đơn. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong các vụ án khác.

[7] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét các phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hoặc không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH T; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM- ST ngày 13/8/2024 của Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn là Công ty TNHH B với bị đơn là Công ty TNHH T.

Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH B tổng số tiền 6.941.275.177 đồng (*Sáu tỷ chín trăm bốn một triệu hai trăm bảy năm nghìn một trăm bảy bảy đồng*) theo lộ trình thanh toán như sau

Ngày 30/6/2025, Công ty TNHH T thanh toán đủ số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Ngày 31/12/2025, Công ty TNHH T thanh toán đủ số tiền 3.941.275.177 đồng còn lại.

Nếu Công ty TNHH T vi phạm kỳ thanh toán thứ nhất thì Công ty TNHH T có quyền yêu cầu tất toán toàn bộ số nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu 114.941.275 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công ty TNHH T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001299 ngày 6/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện TAND Tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang